TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST Ngày 13-3-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thanh H, sinh năm 1983. Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá K, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã đươc triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 01 năm 2020 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Phạm Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Nguyễn Bá K từ giữa năm 2002 nhưng đến ngày 06 tháng 01 năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 01). Giữa năm 2010 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên uống rượu, ham chơi cờ bạc, từ đó vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/9/2003; Nguyễn Bá K, sinh ngày 02/7/2009 đang do anh K nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao cả hai con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Bá K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 17 tháng 01 năm 2020 thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc và nguyên nhân mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con như chị H đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi; yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cho anh mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 1 tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh K vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của bị đơn (anh K) tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh H; cho chị Phạm Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Bá K.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/9/2003; Nguyễn Bá K, sinh ngày 02/7/2009 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K mỗi cháu 1.000.000 đồng/ 1 tháng là phù hợp, được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xin ly hôn anh K; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T

cung cấp thì hôn nhân của chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Bá K là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2010 do bất đồng quan điểm sống, anh K ham chơi, vô trách nhiệm với chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị H có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị H được ly hôn anh K là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của anh K tại bản khai và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/9/2003; Nguyễn Bá K, sinh ngày 02/7/2009 đang do anh K nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng giao cả hai cháu cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó cần giao hai cháu cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; anh chị thống nhất chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K mỗi cháu 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của địa phương nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1**.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Bá K.

2**.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/9/2003 và cháu Nguyễn Bá K, sinh ngày 02/7/2009 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Chị H có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K, mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng; thời gian tính từ tháng 3 năm 2020.

Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh K mà chị H chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3**.** Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008831 ngày 14/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu